TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ QUAO** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **11**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13-02-2023
V/v: "*Tranh chấp về ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tôn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh.
2. Ông Danh Út Nhỏ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vũ Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Ông Danh Vũ Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 330/2022/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/12/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17/01/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị C, sinh năm 1975. Có đơn xin vắng mặt

Địa chỉ: tổ 1, ấp x, xã VHHN, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Trần Quốc B, sinh năm 1975.

Địa chỉ: tổ 1, ấp x, xã VHHN, huyện GQ, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 29/7/2022 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Võ Thị C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 2003 chị và anh Trần Quốc B có thời gian quen biết sau 12 tháng thì anh chị về chung sống với nhau, không có tổ chức đám cưới; đến ngày 29/01/2004 được UBND xã Vĩnh Hòa Hưng Nam cấp giấy chứng nhận kết hôn số 06. Thời gian đầu chị và anh Trần Quốc B chung sống có hạnh phúc và có được 01 đứa con chung tên là Trần Tấn Đ, sinh năm 13/6/2004, hiện nay Đ đã trưởng thành và đang là sinh viên Đại học Nam Cần Thơ.

Chị và anh Trần Quốc B chung sống với nhau hạnh phúc được 16 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do anh B thường xuyên mắn chữi, đánh đập chị, ngoài ra anh B có quen người khác, không quan tâm chăm sóc đến gia đình. Từ năm 2020 đến nay chị và anh B không còn chung sống với nhau và trong thời gian đó giữa anh

chị cũng không có biện pháp nào hàn gắn lại tình cảm. Hiện nay anh B đi làm ăn xa, thỉnh thoảng anh B có về lại ấp 3, xã Vĩnh Hòa Hưng Nam. Xét thấy chung sống với anh B không có hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về tài sản chung: Chị và anh Trần Quốc B chung sống không có tài sản chung nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị khẳng định trong trình bày quá trình chung sống không có nợ ai và không ai nợ anh chị.

Đối với bị đơn anh Trần Quốc B không có mặt tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật cho anh B nhưng anh B không có mặt cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của anh B.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn anh B đã được thông báo, tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng đều vắng mặt là không tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận cho chị Võ Thị C được ly hôn với anh Trần Quốc B; Về con chung đã trưởng thành nên miễn xét; về tài sản chung và nợ chung không có và không yêu cầu nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Võ Thị C xin ly hôn đối với anh Trần Quốc B. Nơi bị đơn anh B cư trú tại tổ 1, ấp 3, xã Vĩnh Hòa Hưng Nam, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Võ Thị C là nguyên đơn và có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Trần Quốc B với tư cách là bị đơn trong vụ án, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, anh Trần Quốc B không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện, không nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, không đến Tòa án để tham gia phiên họp, hòa giải là không thực hiện đúng về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mặc khác, anh B

đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị C và anh B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị C và anh Trần Quốc B xác lập cuộc sống chung vợ chồng với nhau vào năm 2003, đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân Vĩnh Hòa Hưng Nam, huyện Gò Quao theo giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 29/01/2004. Như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị C xin ly hôn đối với anh B nguyên nhân phát sinh từ việc: Chị C cho rằng trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên bị anh B mắn chữi và đánh đập, đến nay giữa anh chị không còn quan tâm đến nhau, ngoài ra anh B còn quen người phụ nữ khác, từ đó tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được và từ năm 2020 đến nay chị và anh B không còn chung sống với nhau.

[3] Đối với anh Trần Quốc B Tòa án đã nhiều lần tống đạt và thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng, trong đó có 02 lần tống đạt Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để tạo điều kiện cho vợ chồng anh chị hòa giải, đoàn tụ với nhau nhưng anh B đều không có mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, chị C khai trong suốt thời gian ly thân, vợ chồng anh chị không gặp mặt nhau và không còn liên lạc với nhau nữa, bản thân chị thì không còn tình cảm gì với anh B và tỏ rõ thái độ cương quyết ly hôn với anh B. HĐXX thấy rằng, trước khi kết hôn anh chị không có tìm hiểu kỹ nên khi về sống chung một thời gian thì bộc lộ cá tính của mỗi người nên khi xảy ra mâu thuẫn không giải quyết được dẫn đến tranh chấp kéo dài làm cho tình trạng hôn nhân trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C là phù hợp.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, chị và anh B có được 01 người con chung tên là Trần Tấn Đ, sinh năm 13/6/2004, hiện nay Đ đã trưởng thành nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị C xác định vợ chồng không có tài sản chung và cam kết vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Án phí ly hôn là 300.000đ chị C phải nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 28, Điều 35, khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Võ Thị C được ly hôn với anh Trần Quốc B.

2. Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: HĐXX không xem xét.

3. Về án phí: Chị Võ Thị C phải chịu án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009047, ngày 10/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị C đã nộp xong án phí.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 13/02/2023.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh;
- Viện KSND H. Gò Quao;
- Chi cục THADS H. Gò Quao;
- UBND xã Vĩnh Hòa Hưng Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Tôn